

LÍ THUYẾT DỊCH THUẬT CHỨC NĂNG CỦA C.NORD

(tiếp theo)

TRẦN BÍCH LAN
(NCS, ĐHKHXH & NV, ĐHQGHN)

3. Lí thuyết chức năng + trung thành của Nord

Nord có nhiều đóng góp vào việc nghiên cứu dịch thuật và mô hình lí thuyết “chức năng + trung thành” của bà chỉ là một trong những đóng góp về mặt lí thuyết của bà. Lí thuyết này chịu sự ảnh hưởng sâu sắc của lí thuyết loại hình văn bản của Reiss, giáo sư của Nord. Khi dạy học ở Học viện Dịch thuật của Đại học Heidelberg, Nord đã thiết kế “mô hình phân tích diễn ngôn hướng về dịch thuật” (Translation-oriented text analysis) [Nord, 1991]. Mô hình này phân tích các diện trong và ngoài diễn ngôn của hành vi giao tiếp, từ bản gốc vốn có và bản dịch sắp sinh ra, tìm ra được những thành phần liên quan đến chức năng: so sánh mục đích của bản dịch với chức năng của bản gốc giúp cho người dịch hiểu rõ nhưng vấn đề xảy ra trong quá trình dịch thuật để có thể thiết kế sách lược giải quyết vấn đề một cách toàn diện. [Nord, 1997:14]

Tiếp thu mô hình của Karl Bühler, Nord phân chia văn bản thành bốn loại hình theo sự khác biệt về chức năng: chức năng chỉ xuất (referential function), chức năng biểu cảm (expressive function), chức năng cầu khiến (appellative function) và chức năng hàn huyên (phatic function, chức năng này do Nord thêm vào), đồng thời chỉ rõ những phương thức thể hiện của chúng trong văn bản và chúng ảnh hưởng thế nào đến vấn đề cụ thể của dịch thuật. Mô hình phân tích

diễn ngôn theo “đường hướng dịch thuật” (translation-oriented) được Nord nhấn mạnh. Khi hiểu được chức năng của bản gốc người dịch “sẽ so sánh nó với chức năng văn hóa dự định trong văn bản ngữ đích theo yêu cầu của người ủy thác, nhận biết hoặc bài trừ những thành phần vô dụng trong bản gốc rồi xử lí nó trong quá trình dịch thuật” [Nord, 1991:21].

Nord không những tiếp thu lí thuyết loại hình văn bản của Reiss một cách toàn diện mà rất trung thành với lí thuyết mục đích. Nord cho rằng mục đích của bản dịch đứng trước tất cả nhân tố quyết định trong quá trình dịch thuật, mục đích của bản dịch là “miêu tả ngữ cảnh của mục đích dự định” [Nord, 1991:8] mà phải xác định theo chỉ thị của “người ủy thác”. “Người ủy thác” là khách hàng người dịch làm việc hộ, (mà không phải tác giả của nguyên bản hoặc độc giả, tuy họ cũng có thể trở thành người ủy thác.) Ở chừng mực nhất định, “mục đích của bản dịch” tức là nội dung ngữ dụng theo chỉ thị của người ủy thác. Cho nên, Skopos do Nord đề xướng hơi khác với Skopos của Vermeer. Theo quan điểm của Vermeer, người dịch xác định mục đích của bản dịch trên cơ sở chỉ thị của người ủy thác, nhưng Nord lại không tán đồng người dịch có tự do xác định mục đích của bản dịch. Nord cho rằng mục đích của bản dịch vẫn phải do người ủy thác mà không phải do người dịch quyết định. Nord xếp người dịch vào địa vị

phụ thuộc. Bà cho rằng người dịch không thể tự do quyết định mục đích của bản dịch. Sở dĩ có cách nhìn nhận như vậy là vì “người dịch” mà bà nhắc đến chủ yếu là học viên dịch thuật.

Khái niệm “chức năng + trung thành” của Nord được đề xuất lần đầu tiên trong cuốn sách “Phân tích diễn ngôn trong dịch thuật” [Nord, 1991:28-30]. Lí thuyết của Nord nhằm vào lí thuyết của Holz-Mänttari. Holz-Mänttari coi văn bản là công cụ thuần túy thực hiện chức năng giao tiếp, cho rằng giá trị vốn có của văn bản hoàn toàn phụ thuộc vào mục đích. Người dịch chỉ cần phụ trách với hoàn cảnh ngữ đích, văn bản ngữ đích có thể hoàn toàn độc lập với bản gốc. Nhưng theo Nord, viết lại tự do (free writing) không thuộc phạm trù dịch thuật cho nên Nord cho rằng “không có bản gốc sẽ không có dịch thuật.” “Người dịch nên có trách nhiệm với ngữ cảnh của bản gốc và bản dịch, có trách nhiệm với người đưa thông tin của bản gốc (hoặc người khởi xướng) và độc giả ngữ đích”. Nord gọi trách nhiệm này là “trung thành” (loyalty).

Nord đưa nguyên tắc trung thành vào mô hình lí thuyết chức năng và hy vọng giải quyết được vấn đề chủ nghĩa chức năng hóa trong quá trình dịch thuật. Phương pháp luận chức năng của Nord được xây dựng trên hai nền tảng: chức năng và trung thành. Chức năng là nhân tố của bản dịch được hoạt động theo phương thức đã hoạch định trong các tình huống của ngôn ngữ đích. Trung thành là quan hệ liên nhân giữa người dịch, tác giả bản gốc, người nhận bản dịch và người khởi xướng dịch thuật. Nguyên tắc trung thành hạn chế phạm vi chức năng của bản dịch, vậy giữa người dịch và khách hàng cần trao đổi nhiều hơn nữa trong công việc dịch thuật. Nord nói rằng trung thành “làm cho người dịch trung thành với phía nguồn dịch thuật và phía mục tiêu dịch thuật, nhưng

không thể lẫn lộn nó với khái niệm “tín” vì “tín” (Fidelity/faithfulness) chỉ là quan hệ giữa bản gốc với bản dịch mà trung thành là khái niệm phạm trù liên nhân chỉ quan hệ xã hội giữa người với người. [Nord, 1997:125]. Lí thuyết chức năng + trung thành là lí thuyết dịch thuật độc đáo của Nord, nói một cách chính xác hơn, đó cũng là lí tưởng của Nord.

Dưới đây chúng tôi dẫn ra hai ví dụ trong cuốn sách “Dịch thuật là một hoạt động có mục đích” (1997) để xem xét Nord giải thích mô hình dịch thuật chức năng + trung thành như thế nào.

Ví dụ 1. Mục sư Ernesto Cardenal người Ni-ca-ra-goa lần đầu tiên đến Cu-ba sau khi cách mạng Cu-ba năm 1959, rồi ông viết cuốn sách *En Cuba*. Trong cuốn sách này ông biểu lộ khuynh hướng chính trị của ông với xã hội Cu-ba. Ông rất hứng thú với sự thay đổi do chính phủ Fidel Castro mang lại. Ông biểu lộ thái độ của ông rõ ràng, tuy độc giả chưa chắc tán đồng quan điểm của ông nhưng vẫn bị truyền cảm. Bản dịch tiếng Đức được xuất bản vào năm 1972 (dịch giả: Bericht einer Reise), song bản dịch mang lại cho người đọc ấn tượng là cuốn sách chỉ là ghi lại chuyến đi của tác giả một cách thông thường và khách quan, khi đó còn nhắc nhở độc giả rằng “không phải chỉ có vàng mới phát sáng”. (tr. 126)

Trong ví dụ 1, người dịch đã thay đổi giọng của bản gốc, hạ thấp hứng thú lớn của tác giả bản gốc với cách mạng Cu-ba xuống mức miêu tả khách quan, thậm chí có lúc còn biểu lộ thái độ phê phán. Tại sao người dịch lại làm việc như vậy? Nord phân tích rằng ở đầu thập kỉ 70 nhà xuất bản không dám đưa một tác giả “thân chủ nghĩa cộng sản” ra trước mặt độc giả tiếng Đức. Vì vậy, từ góc độ của nhà xuất bản, bản dịch nói trên mang tính chức năng mạnh. Nhưng Nord

không tiếp nhận bản dịch này vì người dịch đã “lừa bịp cả tác giả bản gốc và độc giả bản dịch” [Nord, 1997:126]. Nói chung độc giả thường tin tưởng rằng bản dịch tất nhiên biểu hiện quan điểm của tác giả bản gốc. Tác giả bản gốc cũng mong bản dịch sẽ thể hiện được những quan điểm của mình như trong bản gốc. Vậy độc giả có thể rút ra kết luận tác giả mang thái độ phê phán với chính quyền Castro.

Như vậy, khi nhà xuất bản coi nhân tố lợi ích thương mại là quan trọng, người dịch nên làm như thế nào? Nord gợi ý rằng người dịch có thể thảo luận với người khởi xướng viết thêm mấy dòng chữ để giúp độc giả hiểu thêm về bối cảnh bản gốc, hoặc viết mấy dòng lời giới thiệu để độc giả ngữ đích hiểu rằng họ đang đọc tác phẩm dịch, thậm chí người dịch còn có thể cự tuyệt việc dịch thuật này với lý do đạo đức.

Đây chính là nguyên tắc trung thành của Nord: khi lợi ích của ba bên, tức người khởi xướng, người nhận ngữ đích và tác giả, xảy ra xung đột, người dịch nên cân bằng hài hòa quan hệ các bên để đạt được sự nhận thức chung. Nhưng cũng chính Nord có lúc lại không tuân thủ nguyên tắc “trung thành” “đạt được sự nhận thức chung”, chủ trương người dịch thay đổi một số đơn vị dịch thuật mà không cần xin ý kiến của tác giả bản gốc.

Ví dụ 2. Trong một cuốn giáo trình về triết học giáo dục, tác giả Tây Ban Nha dùng lời lẽ chua ngoa hình dung quan điểm của một người nào đó là “*para vomitar*” (làm cho người ta nôn ọe). Nhưng dịch giả tiếng Đức thay đổi cách nói trước khi được sự đồng ý của tác giả để câu nói phù hợp với thường lệ của giáo trình tiếng Đức. Dịch giả chỉ dùng cụm từ “không thể chịu nổi” trong tiếng Đức để dịch.

Nord tán thưởng cách dịch nói trên rất thích hợp, vừa “gần gũi với tình cảm của bản

gốc vừa không làm cho tác giả bản gốc mất đi thái độ nghiêm túc của một học giả” [Nord, 1997:127]. Nord phân tích rằng nếu dịch giả xin ý kiến của tác giả trước khi dịch, tác giả có thể kiên trì bảo lưu quan điểm của mình vì ông ta có uy tín rất cao trong văn hóa của mình, hơn nữa, uy tín này cho ông ta một đặc quyền “nói năng đĩnh đạc”. Nhưng trong văn hóa ngữ đích, trách nhiệm của dịch giả là cố gắng làm cho tác phẩm được tiếp nhận một cách thỏa đáng, cho nên dịch giả phải suy nghĩ đến kỳ vọng của cộng đồng trong văn hóa ngữ đích.

Tại sao Nord lúc thì yêu cầu người dịch phải suy nghĩ đến quan điểm của tác giả bản gốc, lúc thì tán đồng thay đổi lời bình luận của tác giả bản gốc? Nord giải thích như sau, trong mô hình lý thuyết mục đích, trung thành nằm ở một vị trí trống (empty slot), do văn hóa của mỗi một nhiệm vụ dịch thuật nhất định và quan niệm dịch thuật thực hiện. Nếu văn hóa ngữ đích thường coi bản dịch là sản phẩm phục chế trực dịch của bản gốc thì người dịch không được phép dịch thoát ý. Người dịch có trách nhiệm đảm bảo hài hòa sự khác biệt giữa hai nền văn hóa nhưng việc hài hòa không phải áp đặt quan niệm văn hóa của cộng đồng này cho cộng đồng khác. Người dịch nên chú ý cả kỳ vọng của độc giả tuy không nhất thiết phải tuân theo kỳ vọng của họ nhưng về mặt trách nhiệm đạo đức người dịch không nên lừa bịp độc giả. Nord còn thừa nhận, muốn hiểu chính xác kỳ vọng của độc giả không phải chuyện dễ, vậy với vấn đề này nghiên cứu về chiều sâu và chiều rộng mang tính thí nghiệm vẫn chưa đầy đủ. Cho nên, trong trường hợp hiện nay, người dịch phải ý lại suy đoán của mình và dựa vào một số thông tin vụn vặt phản hồi từ khách hàng và độc giả để quyết định sách lược dịch thuật. [Nord, 1997:125].

4. Ý nghĩa và vấn đề còn lại

Giống như các lý thuyết dịch thuật khác, lý thuyết của Nord chủ yếu hướng tới việc đào tạo biên/phiên dịch viên. Nord cho rằng lý thuyết dịch thuật chức năng có giá trị nhất với việc đào tạo biên/phiên dịch viên ở ba phương diện: đề cương dịch thuật, phân tích bản gốc và phân loại vấn đề dịch thuật. Ba phương diện này chính là hạt nhân của lý thuyết dịch thuật chức năng của Nord.

Các thuật ngữ như đề cương dịch thuật (Brief) và ủy quyền (Commission), nhiệm vụ (Assignment), hướng dẫn (Instruction) đều dịch từ tiếng Đức *Übersetzungsauftrag*, cùng chỉ một khái niệm, có nghĩa là những yêu cầu do người ủy thác đề xuất. Một đề cương dịch thuật lý tưởng phải thể hiện hiển ngôn hoặc hàm ẩn các thông tin như: chức năng dự định của bản dịch, độc giả, môi trường truyền bá, thời gian và địa điểm xuất bản, có lúc còn bao gồm mục đích của bản dịch hoặc động cơ xuất bản bản dịch. Sau khi hiểu rõ đề cương dịch thuật người dịch mới có thể hiểu được chức năng và động cơ của bản dịch và quyết định trình tự dịch thuật một cách hợp lý.

Nhưng phân tích đề cương dịch thuật chỉ là bước đầu tiên của nhiệm vụ dịch thuật, sau đó là phân tích bản gốc. Phân tích bản gốc có tác dụng chỉ dẫn với quá trình dịch thuật, hơn nữa còn là nơi nương tựa cho người dịch khi quyết định: (1) nhiệm vụ dịch thuật có tính khả thi hay không, (2) những thông tin nào trong bản gốc có liên quan đến chức năng của bản dịch, (3) ứng dụng sách lược dịch thuật nào thì bản dịch mới có thể phù hợp với đề cương dịch thuật. Phân tích bản gốc trong mô hình của Nord bao gồm các nhân tố ngoài văn bản (ex-textual factors) và các nhân tố trong văn bản (in-textual factors). Các nhân tố ngoài văn bản liên quan tới người đưa thông tin và ý đồ của họ, người nhận thông tin, môi giới/ kênh, địa

điểm giao tiếp, thời gian giao tiếp, động cơ giao tiếp, chức năng văn bản, nhân tố văn cảnh (co-textual factors), v.v. Các nhân tố trong văn bản bao gồm từ vựng, câu, đoạn và chủ đề nội dung, v.v. Qua sự phân tích và so sánh mục đích của bản gốc và bản dịch người dịch có thể hiểu rõ thông tin hoặc thành phần ngôn ngữ nào trong bản gốc nên giữ nguyên xi, thông tin nào lại phải thay đổi điều chỉnh theo ý đồ dịch thuật. Có thể nói rằng phân tích bản gốc là một bước quan trọng để thực hiện chức năng bản dịch cũng là điều then chốt để trung thành với tác giả bản gốc và người ủy thác.

Trong công việc giảng dạy dịch thuật, nghiên cứu vấn đề trong dịch thuật một cách hệ thống giúp cho học viên hiểu rõ vấn đề và nắm được phương pháp giải quyết vấn đề. Vấn đề trong dịch thuật khác với khó khăn trong dịch thuật. Khó khăn trong dịch thuật mang tính chủ quan, có nghĩa là một người dịch hoặc học viên nào đó khi tiến hành dịch thuật gặp phải khó khăn vì trình độ ngôn ngữ, kiến thức văn hóa hoặc dịch thuật của mình không đầy đủ, hoặc trong tay không có tư liệu văn hoá thích đáng. Ngược lại, vấn đề trong dịch thuật tồn tại một cách khách quan. Vấn đề trong dịch thuật có thể chia ra thành những vấn đề về mặt ngữ dụng, văn hóa, ngôn ngữ và văn bản. Nord nói rằng trong dịch thuật chức năng cách giải quyết vấn đề trong dịch thuật nên ứng dụng phương thức từ trên xuống dưới, tức là trong quá trình dịch thuật chức năng nên bắt đầu từ tầng bậc ngữ dụng, trước hết phải quyết định chức năng mục tiêu của dịch thuật (dịch thuật tư liệu hay dịch thuật công cụ-documentary translation or instrumental translation). Sau đó, phân biệt nội dung nào trong bản gốc nên bảo lưu và chuyển dịch với nội dung nào phải điều chỉnh thay đổi theo những nhân tố như kiến thức bối cảnh, kì vọng tâm lý, nhu

cầu giao tiếp, điều kiện môi giới và nhu cầu chỉ thị. Mục đích của phân tích vấn đề là căn cứ vào mọi vấn đề khác nhau để sử dụng biện pháp dịch thuật khác nhau, nhưng chức năng của dịch thuật vẫn là tiêu điểm nên tuân thủ trong quá trình dịch thuật [Nord, 1997: 67-68].

Mô hình dịch thuật chức năng + trung thành do Nord đề xuất khá hoàn mĩ về mặt lí thuyết, nhưng trong thực tiễn, cùng một lúc mà muốn trung thành với ba bên tức người ủy thác, tác giả bản gốc và độc giả không dễ thực hiện được. Nếu mục đích của bản gốc và bản dịch giống nhau thì mô hình chức năng + trung thành hình như không có vấn đề gì cả, nhưng khi mục đích của hai văn bản khác nhau thì người dịch nên xử lí như thế nào? Người dịch nên trung thành với người khởi xướng việc dịch hay trung thành với tác giả hay độc giả?

Nord nói rằng lí thuyết phân tích bản gốc của bà có thể làm cơ sở lí luận cho mỗi một quyết định trong quá trình dịch thuật, nhưng nếu nhân tố quyết định dịch thuật là chức năng văn bản ngữ đích do người ủy thác chế định, tại sao người dịch còn phải phân tích bản gốc tỉ mỉ? Người dịch phân tích chức năng dự định của văn bản ngữ đích rồi từ bản gốc rút ra những thông tin cần thiết, có thể được không? Trên thực tế, nếu chức năng của bản gốc và bản dịch khác nhau, (Nord cho rằng trường hợp bản gốc và bản dịch tương đương với nhau hoặc chức năng của hai văn bản hoàn toàn như nhau là rất hiếm có) tại sao còn phải nhìn lại chức năng của bản gốc? Những vấn đề này chúng ta không tìm được câu trả lời thỏa đáng trong lí thuyết của Nord.

5. Kết luận

Vì trưởng thành từ quan điểm dịch thuật truyền thống, nên lí thuyết dịch thuật của Nord vẫn còn chiết trung. Về cơ bản Nord

ủng hộ lí thuyết mục đích nhưng lại không hoàn toàn tán đồng quan điểm của Vermeer; Nord tán thưởng tinh thần sáng tạo của Holz-Mänttari nhưng lại không hoàn toàn tán đồng quan điểm dịch thuật của Holz-Mänttari. Do chịu sự ảnh hưởng sâu sắc giáo sư của mình là Reiss, mô hình phân tích diễn ngôn của Nord trên thực tế vẫn tuân theo các quy phạm được chấp nhận rộng rãi, người dịch không thể thay đổi hoặc đi chệch quy phạm, cho nên cuối cùng vẫn không tách rời được khung tương đương.

Tuy lí thuyết của Nord không giải quyết được tất cả vấn đề trong dịch thuật, nhưng có thể giúp học sinh hiểu được lí thuyết dịch thuật chức năng một cách khái quát và cung cấp cho học sinh dịch thuật một khung lí luận rất tốt để thảo luận về dịch thuật và dịch thuật học.

Tài liệu tham khảo

1. Nord, Christiane, *Text Analysis in Translation: Theory, Methodology, and Diactic Application of a Model for Translation-Oriented Text Analysis* [M]. Asmterdam – Atlanta: Rodopi, 1991.
2. Nord, Christiane, *Translating as a Purposeful Activity: Functionalist Approaches Explained* [M]. Manchester: St. Jerome Publishing, 1997.
3. Reiss, Katherina, *Translation Criticism: The Potentials and Limitations: Categories and Criteria for Translation Quality Assessment* (translated by: Erroll F. Rhodes) [M]. Manchester: St. Jerome Publishing. [1971] 2000.
4. Zhang Meifang, *Functional Approaches to Translation* [M]. Shanghai: Shanghai Foreign Language Education Press, 2005.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 20-01-2010)